

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Bản án số: **150/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/5/2023

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Xuân Quyết;

2. Ông Lê Quang Luân.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03/02/2023 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Âu Thị S, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn T 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị S vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ hai lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai, nguyên đơn chị Âu Thị S trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/7/2017 tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách giữa chị và anh T không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình; anh T thường xuyên đi

uống rượu dẫn đến vợ chồng đánh cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Thực tế vợ chồng chị cũng sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay không còn quan hệ vợ chồng gì với nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, mâu thuẫn giữa chị và anh T đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn T có một con chung là cháu Trần Thị X, sinh ngày 23/7/2017, hiện nay đang ở cùng anh T. Ly hôn chị nhất trí để anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Thị X. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Trần Văn T không có tài sản chung, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Chị và anh Trần Văn T không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị S vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị S giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

*** Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Âu Thị S được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/7/2017 tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Sau đó chị S bỏ về quê ngoại ở thôn T 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống cho đến nay. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị S đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc vì thực tế vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay. Chị S làm đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn và anh không đến Tòa án làm việc, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị Âu Thị S có một con chung là cháu Trần Thị X, sinh ngày 23/7/2017, hiện nay đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Thị X. Anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Anh và chị Âu Thị S không có tài sản chung, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Anh và chị Âu Thị S không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2023 và các văn bản tố tụng khác cho anh Trần Văn T biết, báo gọi anh T nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh T không trực tiếp đến Tòa án làm

việc. Toà án đã phối hợp với đại diện thôn K, xã H trực tiếp đến gia đình làm việc với anh T, tiến hành lấy lời khai của anh T nhưng sau khi lấy lời khai xong anh T xác định lời trình bày trong biên bản lấy lời khai do Toà án ghi là đúng ý kiến của anh nhưng anh T không vào ký biên bản. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Trần Văn T theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại địa phương thôn K, xã H và Công an xã H, huyện H được cung cấp thông tin:

Hiện nay anh Trần Văn T là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Chị S và anh T được tự do tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau năm 2017 tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn chị S và anh T chung sống với nhau tại thôn K, xã H đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn to tiếng cãi chửi nhau, chị S bỏ về quê ngoại ở thôn T 2, xã T, huyện H sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Anh T thường xuyên đi làm xa nhà, vắng mặt tại địa phương và gia đình; Đồng thời đại diện thôn K, xã H, huyện H cũng xác định địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2023 của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị S và anh T do Tòa án gửi nhờ địa phương giao lại cho anh T biết nội dung. Tuy nhiên do thời gian trước đây anh T thường xuyên đi làm ăn xa vắng nhà, không có mặt tại địa phương nên thôn đã trực tiếp niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án theo quy định pháp luật. Hiện nay anh T đã có mặt tại gia đình và địa phương, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án làm việc. Về việc chị S xin ly hôn với anh T, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Âu Thị S cung cấp cho Tòa án: 01 Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; 01 bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao Giấy khai sinh của con chung; 01 bản sao Căn cước công dân của chị S; 01 bản sao Sổ hộ khẩu.

- Bị đơn anh Trần Văn T cung cấp cho Tòa án: Không có.

Ngoài ra, các đương sự không ai cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã trực tiếp tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Trần Văn T đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh T đều không đến làm việc, Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ

án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn chị Âu Thị S chấp hành tốt các quy định của pháp luật; Bị đơn anh Trần Văn T chưa chấp hành các quy định về báo gọi và tham gia phiên tòa khi Tòa án triệu tập.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Âu Thị S.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Âu Thị S được ly hôn với anh Trần Văn T;

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị X, sinh ngày 23/7/2017 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Chị Âu Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Văn T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí:

+ Chị Âu Thị S phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Anh Trần Văn T không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Âu Thị S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn T nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Trần Văn T là công dân có nơi cư trú tại thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Trần Văn T tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án giao, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không đến Tòa án làm việc và không đến tham gia phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn T theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị S và anh Trần Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 03/7/2017 tại UBND xã Hùng Đức, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình

tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị S và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị S và anh T hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn kể từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do tính cách giữa chị S và anh T không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn phát triển kinh tế gia đình; Anh T thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau, không ai quan tâm, yêu thương và tin tưởng nhau; Chị S bỏ về quê ngoại ở thôn T 2, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang sinh sống cho đến nay. Thực tế chị S và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay không còn quan hệ vợ chồng gì với nhau nữa. Chị S xác định không còn tình cảm vợ chồng và kiên quyết xin ly hôn với anh T; Anh T không nhất trí ly hôn với chị S. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy anh T không nhất trí ly hôn với chị S nhưng chị S và anh T đã sống ly thân nhau từ năm 2021 đến nay, trong thời gian sống ly thân chị S và anh T không liên lạc, không thăm hỏi gì đến nhau nữa. Như vậy cuộc sống hôn nhân giữa chị S và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không thực sự mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình vì từ năm 2021 đến nay anh chị đã sống ly thân và đều không ai đưa ra biện pháp tích cực nào nhằm cải thiện quan hệ vợ chồng. Do đó, cần xử cho chị Âu Thị S được ly hôn anh Trần Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Âu Thị S và anh Trần Văn T có một người con chung là cháu Trần Thị X, sinh ngày 23/7/2017, hiện nay đang ở cùng anh T. Ly hôn chị S nhất trí để anh T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T; Anh T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và anh không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Căn cứ tình hình thực tế, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu X, qua xem xét ý kiến nguyện vọng của chị S và anh T. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Thị X cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Chị Âu Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Âu Thị S và anh Trần Văn T cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, đất đai chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về công nợ chung: Chị Âu Thị S và anh Trần Văn T cùng xác định không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Âu Thị S phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Anh Trần Văn T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Âu Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Âu Thị S được ly hôn với anh Trần Văn T;

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị X, sinh ngày 23/7/2017 cho anh Trần Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Chị Âu Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Văn T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: Chị Âu Thị S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005941 ngày 02/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Chị Âu Thị S đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh Trần Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Âu Thị S và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Hùng Đức (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đức Tùng